| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**QUẬN N**<br>**THÀNH PHỐ CẦN THƠ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 36/2021/DSST
Ngày: 23/3/2021
V/v Tranh chấp đòi lại tài sản

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN N**
***Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Bà **Nguyễn Thị Mỹ Tr**

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà **Hồ Thị Kim L**

2. Bà **Trần Thị D**

Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà **Võ An Tr** – Thư ký Tòa án nhân dân quận N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận N: Bà **Nguyễn Thị Thùy N** - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 23 tháng 3 năm 2021. Tại trụ sở Toà án nhân dân quận N tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 169/2020/TLST-DS ngày 11 tháng 6 năm 2020. Về việc "*Tranh chấp đòi lại tàn sản"*. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 146/2021/QĐST-DS ngày 02 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn*: Bà **Đào Thị Mai T** sinh năm 1967 (có mặt)

Địa chỉ: 149/55, Hoàng Văn Thụ, P. AC, Q. N, TP .Cần Thơ.

*Bị đơn*: Bà **Lê Thị T** sinh năm 1964 (vắng mặt)

Địa chỉ: 13, Tô Hiến Thành, P. AK, Q. N, TP .Cần Thơ.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ông **Phan Văn Th** (vắng mặt)

Địa chỉ: 13, Tô Hiến Thành, P. AK, Q. N, TP .Cần Thơ.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

*Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:*

Năm 2017, bà T có hợp đồng thuê nhà của bà T tại địa chỉ 13, Tô Hiến Thành, P. AK, Q. N, TP. Cần Thơ để bán nước giải khát. Theo thỏa thuận bà T đặt cọc 5.000.000 đồng. Trong thời gian thuê nhà thì ông Phan Văn Th (chồng bà T) có mượn của bà T số tiền 10.000.000 đồng. Do bà T vu khống bà T "muốn giựt

chồng" bà T nên mới cho ông Th mượn tiền và mời Công an phường AK tới nhà bà T buộc bà T làm tờ cam kết dọn đi trong 02 tuần (trong khi còn thời hạn hợp đồng thuê nhà). Bà T thừa nhận việc ông Th mượn tiền của bà T. Bà T đã cam kết trả thay ông Th số tiền 10.000.000 đồng và đồng ý trả lại tiền cọc thuê nhà 5.000.000 đồng để chấm dứt hợp đồng thuê nhà. Bà T đã làm giấy cam kết ngày 11/7/2018 tổng số tiền là 15.000.000 đồng. Nay bà T khởi kiện yêu cầu bà T trả lại cho bà T số tiền 15.000.000 đồng. Yêu cầu cấn trừ số tiền 15.000.000 đồng để bà thực hiện nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho bà T trong vụ án hình sự.

*Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn trình bày:*

Bà có cho bà T thuê một phần nhà trước để bán nước giải khát, có hợp đồng thuê mỗi tháng là 2.500.000 đồng, bà có nhận tiền cọc của bà T 5.000.000 đồng, thỏa thuận hai bên là khi nào chấm dứt hợp đồng bà sẽ trả lại 5.000.000 đồng tiền cọc cho bà T. Đối với số tiền 10.000.000 đồng ông Th mượn của bà T không cho bà biết. Theo như tờ cam kết ngày 11/7/2018 bà có ký nhận và đồng ý trả lại số tiền cọc 5.000.000 đồng và số tiền 10.000.000 đồng ông Th Mượn của bà T. Tổng cộng là 15.000.000 đồng. Bà T nói với bà việc cho ông Th mượn tiền 10.000.000 đồng là không có lấy lãi suất. Lúc đó thấy ông Th bệnh mà bà T cứ la chửi trong nhà bà, trong khi ông Th không có nhà cho nên bà có nói bà T để thỏa thuận chấm dứt hợp đồng thuê nhà. Bà đồng ý trả lại tiền cọc thuê nhà 5.000.000 đồng và bà T đòi lại số tiền 10.000.000 đồng cho ông Th mượn thì bà đồng ý trả số tiền 10.000.000 đồng này. Khi ông Th đi điều trị bệnh về, bà có hỏi ông Th việc mượn tiền của bà T thì ông Th nói là bà T cho ông Th "vay tiền đứng", ông Th phải đóng cho bà T mỗi ngày 100.000 đồng. Nếu bà T cho ông Th mượn số tiền này thì bà đồng ý trả nhưng bà T cho ông Th "vay tiền đứng" nên bà không đồng ý trả số tiền này. Bà thừa nhận có ký tờ cam kết trả nợ cho bà T số tiền 10.000.000 đồng của ông Th mượn và 5.000.000 đồng tiền cọc thuê nhà có Công an phường AK chứng kiến.

*Tại phiên tòa hôm nay,*

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện: Yêu cầu bà T trả cho bà số tiền 15.000.000 đồng theo tờ cam kết ngày 11/7/2018.

Nguyên đơn rút lại yêu cầu khởi kiện về việc cấn trừ số tiền 15.000.000 đồng để bà thực hiện nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho bà T trong vụ án hình sự.

❖ **Đại diện Viện kiểm sát quận N tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:**

+ *Về thủ tục tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo trình tự thủ tục pháp luật tố tụng. Về thời hạn chuẩn bị xét xử đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự. Bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được Tòa án thực hiện việc cấp tống đạt văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vắng mặt. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ *Quan điểm giải quyết vụ án*: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền 15.000.000 đồng theo tờ cam kết ngày 11/7/2018. Đề nghị Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp đòi lại tài sản. Căn cứ nội dung tờ cam kết bà T có nghĩa vụ trả cho bà T 5.000.000 đồng tiền cọc thuê nhà và 10.000.000 đồng ông Th mượn của bà T. Bà T thừa nhận có ký tờ cam kết, chữ ký, ghi tên là của bà T. Khi lập tờ cam kết các bên đều tự nguyện. Nên bà T phải có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền 15.000.000 đồng. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T. Buộc bà T có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền 15.000.000 đồng. Tại phiên tòa nguyên đơn rút lại yêu cầu cấn trừ số tiền 15.000.000 đồng để bà T thực hiện nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho bà T trong vụ án hình sự. Đây là sự tự nguyện của nguyên đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử: Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà T về việc cấn trừ số tiền 15.000.000 đồng để bà T thực hiện nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho bà T trong vụ án hình sự.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.*

**[1] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng**: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả lại số tiền theo giấy cam kết ngày 11/7/2018. Tòa án xác định quan hệ pháp luật "*Tranh chấp đòi lại tài sản"* theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại quận N nên tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận N quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- *Về vắng mặt các đương sự*:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh ông Phan Văn Th đăng ký tạm trú tại địa chỉ 13 Tô Hiến Thành, P. AK, Q. N, TP. Cần Thơ.

Tòa án không tống đạt được và niêm yết các văn bản tố tụng là theo quy định tại khoản 5 Điều 177, Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên, ông Phan Văn Th không tham gia tố tụng cũng như không có mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải và phiên tòa hôm nay là từ bỏ quyền và không thực hiện nghĩa vụ của mình. Đối với bị đơn đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vắng mặt phiên tòa hôm nay. Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, để xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là đảm bảo đúng quy định pháp luật.

**[2] Về nội dung:**

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà T và bị đơn bà T đều xác nhận có lập tờ cam kết ngày 11/7/2018 nội dung thỏa thuận là bà T có gửi tiền đặt cọc thuê nhà của bà T là 5.000.000 đồng và chồng của bà T có mượn 10.000.000 đồng. Trong thời hạn 15 ngày bà T sẽ trả lại mặt bằng thì bà T trả lại cho bà T số tiền trên. Khi bà T thuê được mặt bằng thì cho bà T hay trước 01 ngày để chuẩn bị tiền trả bà T. Bà T khởi kiện yêu cầu bà T trả số tiền 15.000.000 đồng. Trong đó, đối với số tiền đặt cọc thuê nhà 5.000.000 đồng bà T thừa nhận và đồng ý trả cho bà T. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 có cơ sở buộc bà T có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền 5.000.000 đồng. Đối với số tiền 10.000.000 đồng bà T cho rằng sau khi bà ký tờ cam kết thì bà có hỏi ông Th việc mượn tiền của bà T thì ông Th nói là bà T cho ông Th "vay tiền đứng", ông Th phải đóng cho bà T mỗi ngày 100.000 đồng. Bà T không đồng ý trả số tiền 10.000.000 đồng. Yêu cầu bà T gặp ông Th yêu cầu ông Th trả số tiền này. Ngoài ra, bà T cho rằng trong số tiền 10.000.000 đồng, ông Th đã trả 1.000.000 đồng, còn lại 9.000.000 đồng. Đây là ý kiến trình bày của bà T và trong quá trình giải quyết vụ án ông Th vắng mặt nên không thể đối chất với lời khai này của bà T. Bà T không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày của mình. Trong khi, bà T không thừa nhận việc ông Th đã trả số tiền 1.000.000 đồng và lấy lãi ông Th đã đóng 100.000 đồng/ngày. Tại biên bản làm việc ngày 29/9/2020, bà T xác nhận bà và ông Th chung sống từ năm 2011, thời điểm bà T làm tờ cam kết với bà T thì bà T và ông Th đang chung sống tại số 13, Tô Hiến Thành, P. AK, Q. N, TP. Cần Thơ. Trong quá trình giải quyết vụ án tại bản tự khai, biên bản làm việc và biên bản hòa giải tại Tòa án bà T thừa nhận có ký tờ cam kết, chữ ký và ghi tên Lê Thị T là của bà T với nội dung bà T cam kết trả cho bà T số tiền 15.000.000 đồng. Theo chứng cứ bà T cung cấp là tờ cam kết ngày 11/7/2018 (được sao lục tại

Tòa án nhân dân TP. Cần Thơ ngày 09/3/2020) và trong quá trình giải quyết vụ án thì chữ ký, ghi họ và tên được bà T xác nhận là của bà T nên đủ căn cứ chứng minh bà T có nghĩa vụ trả số tiền 15.000.000 cho bà T. Việc bà T nại ra rằng đây là số tiền ông Th mượn của bà T, đề nghị bà T yêu cầu ông Th trả lại số tiền 10.000.000 đồng là không có cơ sở. Hội đồng xét xử xét thấy, việc viết tờ cam kết ngày 11/7/2018 giữa bà T và bà T, là hoàn toàn tự nguyện phù hợp với quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó, bà T yêu cầu bà T trả cho bà T số tiền 15.000.000 đồng là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

Ý kiến phát biểu và quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

**[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:** Bị đơn phải chịu 750.000 đồng *(Bảy trăm năm mươi nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 266, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;
- Điều 328, Điều 463, Điều 466, Điều 688 Bộ luật dân sự 2015;
- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

**Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Buộc bị đơn bà Lê Thị T có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Đào Thị Mai T số tiền 15.000.000 đồng *(Mười lăm triệu đồng).*

Kể từ khi nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án nếu bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ việc trả khoản tiền nêu trên, thì hàng tháng phía bị đơn phải trả cho nguyên đơn tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định khoản 2 Điều 468 Bộ Luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.

- Đình chỉ yêu cầu của nguyên đơn bà Đào Thị Mai T về việc cấn trừ số tiền 15.000.000 đồng để bà Đào Thị Mai T thực hiện nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho bà Lê Thị T trong vụ án hình sự.

2. *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Bị đơn bà Lê Thị T phải chịu là 750.000 đồng *(Bảy trăm năm mươi nghìn đồng)*.

Nguyên đơn bà Đào Thị Mai T được nhận lại 375.000 đồng *(Ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 002527 ngày 15/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận N.

3. *Về quyền kháng cáo*: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyên thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Đương sự;
- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND quận N;
- Chi cục THADS quận N;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Mỹ Tr**